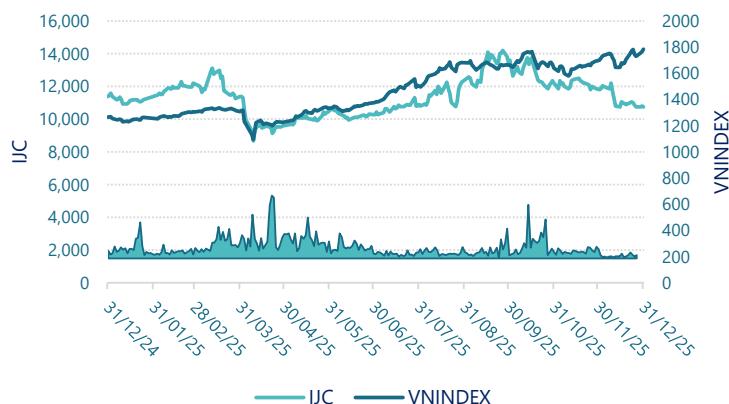


CTCP Phát triển Hạ tầng Kỹ thuật (HSX: IJC)

Lịch sử giá



Thông tin giao dịch 31/12/2025

Giá hiện tại (VNĐ)	10,750
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)	14,200
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)	8,674
SL cổ phiếu LH	629,580,640
KLGD BQ 20 phiên (CP)	3,495,925
% sở hữu nước ngoài	4.2%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)	
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	6,768
P/E	13.1
EPS	822

DT thuần

Q4/25

597

tỷ VNĐ

QoQ: ▼75.0 | -11.1%

YoY: ▲291 | 95.3%

LN sau thuế

Q4/25

120

tỷ VNĐ

QoQ: ▼134 | -52.6%

YoY: ▼36.0 | -22.9%

Tỷ suất lãi EBIT

2025

41.9%

+/- YoY: ▼3.2%

DT thuần

2025

1,594

tỷ VNĐ

YoY: ▲574 | 56.2%

LN sau thuế

2025

518

tỷ VNĐ

YoY: ▲164 | 46.2%

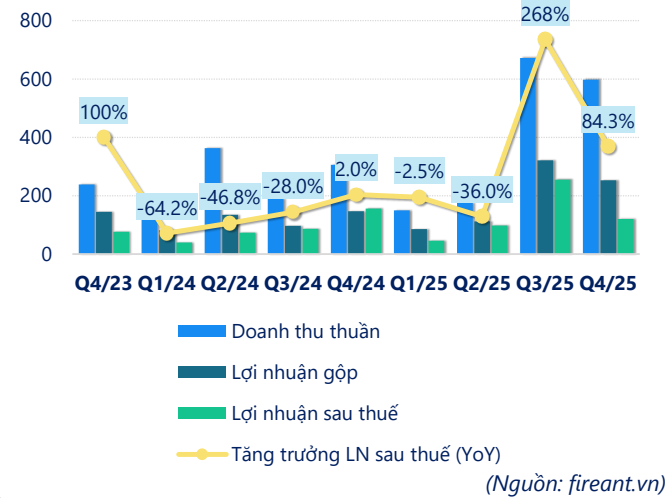
ROE

2025

7.9%

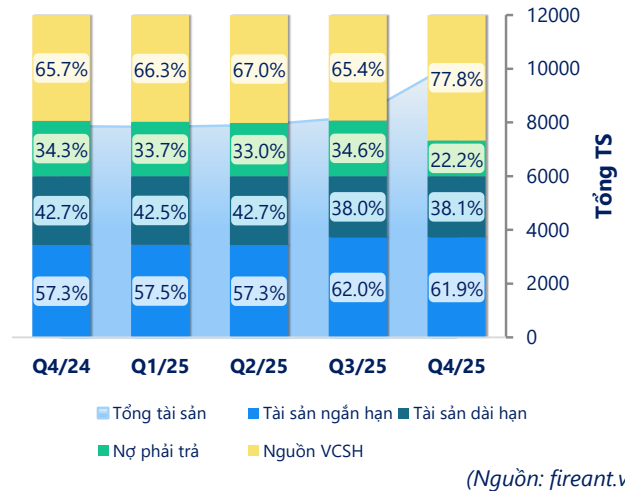
tỷ VNĐ

Kết quả kinh doanh

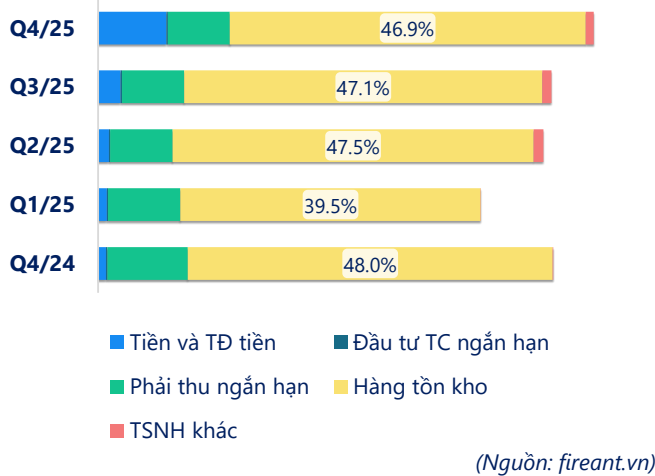


Cơ cấu Tổng tài sản

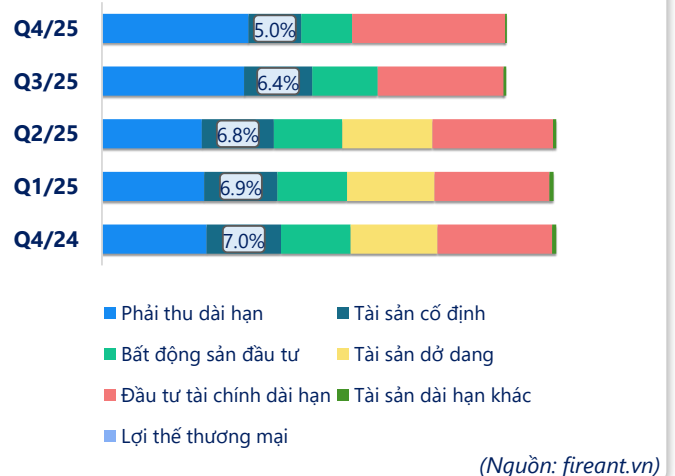
tỷ VNĐ



Cơ cấu Tài sản ngắn hạn/Tổng TS

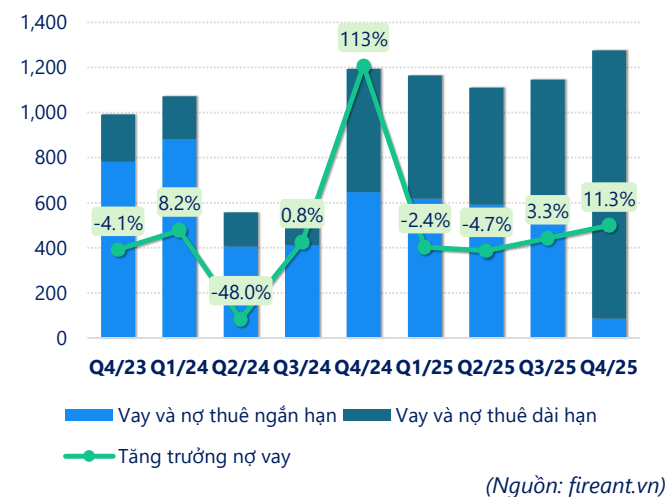


Cơ cấu Tài sản dài hạn/Tổng TS



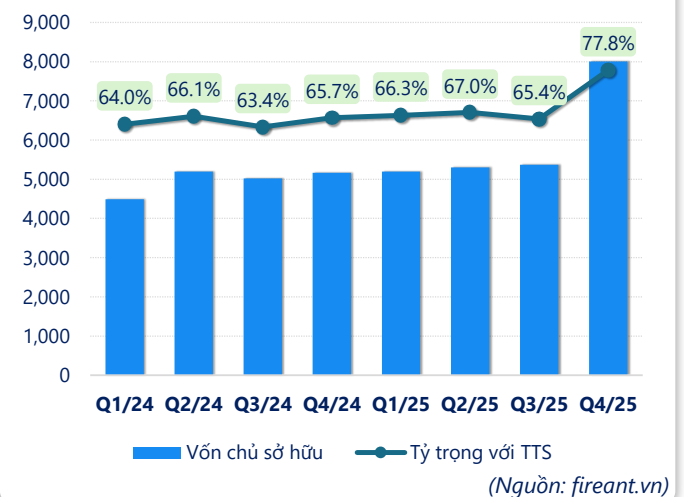
tỷ VNĐ

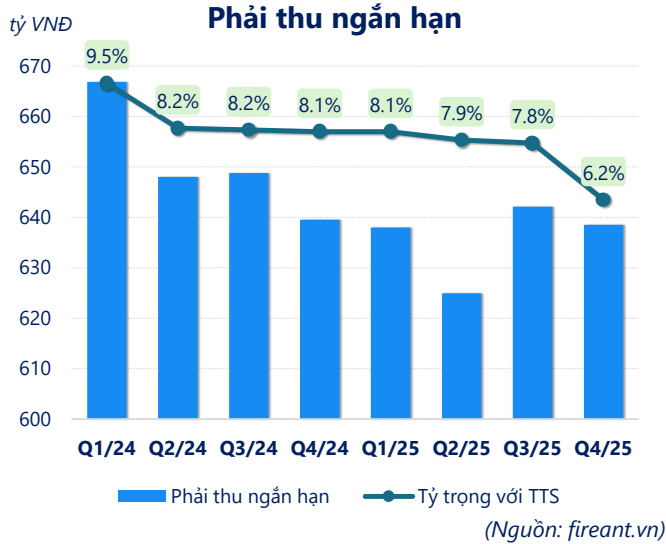
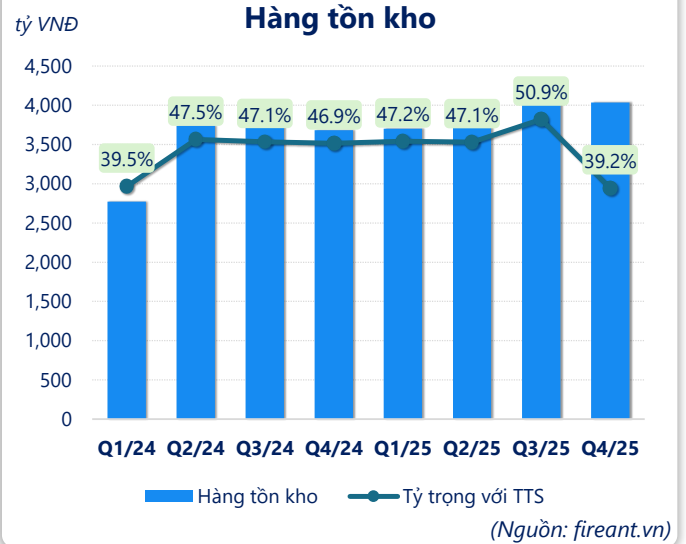
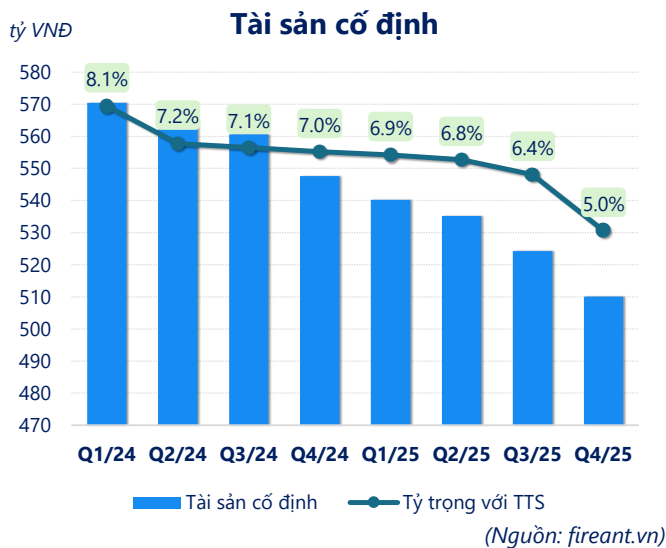
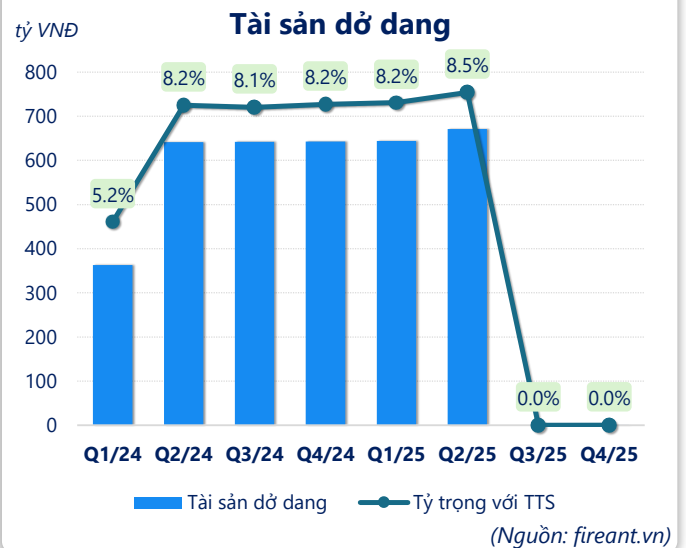
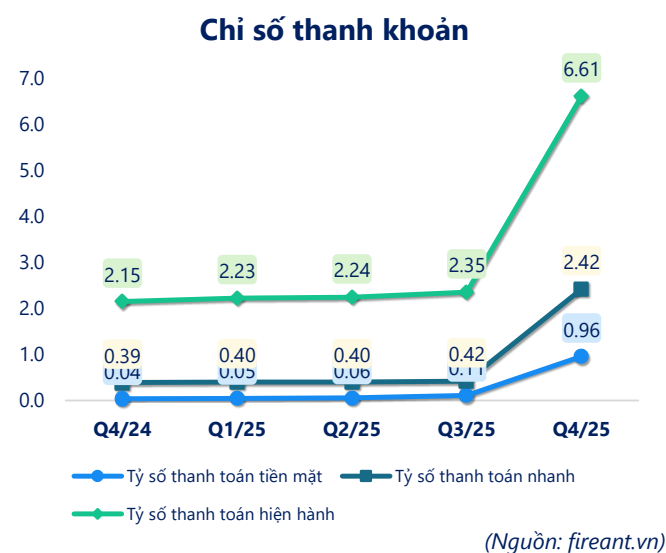
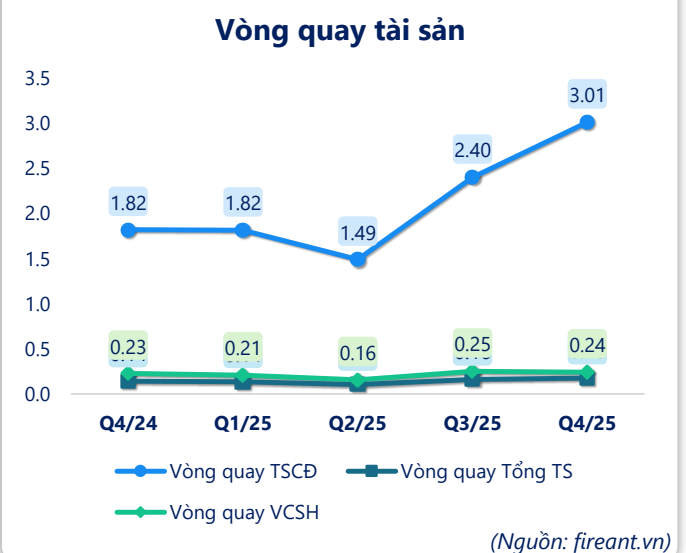
Nợ vay



tỷ VNĐ

Vốn chủ sở hữu





CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25	Q4/25
Tổng tài sản	7,857	7,838	7,909	8,206	10,285
Tài sản ngắn hạn	4,501	4,510	4,530	5,087	6,369
Tiền và tương đương tiền	79.9	91.9	114	243	923
Đầu tư tài chính ngắn hạn	16.3	5.80	0.75	14.3	764
Phải thu ngắn hạn	640	638	625	642	639
Hàng tồn kho	3,683	3,700	3,725	4,180	4,037
Tài sản ngắn hạn khác	82.5	74.7	66.5	8.05	6.69
Tài sản dài hạn	3,356	3,328	3,378	3,120	3,916
Phải thu dài hạn	774	754	743	1,097	1,417
Tài sản cố định	548	540	535	524	510
Bất động sản đầu tư	515	512	509	507	494
Tài sản dở dang	643	644	671	0	0.17
Đầu tư tài chính dài hạn	846	847	895	970	1,478
Tài sản dài hạn khác	31.4	30.7	24.5	21.2	17.8
Lợi thế thương mại	0	0	0	0	0
Nợ phải trả	2,694	2,641	2,607	2,840	2,279
Nợ ngắn hạn	2,092	2,024	2,021	2,163	963
Vay và nợ thuê ngắn hạn	647	618	591	543	85.9
Phải trả người bán ngắn hạn	697	696	714	622	81.0
Nợ dài hạn	602	617	587	676	1,316
Vay và nợ thuê dài hạn	547	547	519	604	1,190
Nguồn vốn chủ sở hữu	5,163	5,197	5,301	5,367	8,006
Vốn chủ sở hữu	5,163	5,197	5,301	5,367	8,006
Vốn điều lệ	3,777	3,777	3,777	3,777	6,296
Kinh phí và quỹ khác	0	0	0	0	0

(Nguồn: fireant.vn)